



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP. ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO KHOA HỌC

Đề tài:

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM THU HÚT VÀ
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chủ nhiệm đề tài: Th.S Lâm Quang Minh

- ĐÀ NẴNG, 12/2003 -

5218
14/04/05.

MỤC LỤC

Lời mở đầu:..... 4

Chương 1:

Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh hiện nay và đến 2010 8

1.1. Khái niệm, bản chất và các hình thức của đầu tư trực tiếp nước ngoài 8

1.2. Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài 12

1.3. Mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài với đầu tư trong nước..... 16

1.4. Một số kinh nghiệm trong và ngoài nước trong việc thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài..... 18

Chương 2:

Thực trạng thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng..... 25

2.1. Tổng quan về tình hình thu hút và quản lý ĐTNN tại Việt Nam..... 25

2.2. Kết quả hoạt động thu hút và quản lý ĐTNN tại Đà Nẵng 27

2.2.1. Thành tựu trong việc thu hút và quản lý ĐTNN tại Đà Nẵng 27

2.2.2. Những hạn chế trong việc thu hút và quản lý ĐTNN tại Đà Nẵng . 29

2.3. Những thuận lợi và khó khăn trong thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng 32

2.3.1. Thuận lợi 32

2.3.2. Khó khăn..... 39

Chương 3:

Các giải pháp cơ bản nhằm thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 49

3.1. Những quan điểm và định hướng của Nhà nước Việt Nam về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 49

3.1.1. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam về thu hút ĐTNN 49

3.1.2. Định hướng của Nhà nước Việt Nam về thu hút ĐTNN..... 51

3.2. Mục tiêu, định hướng thu hút ĐTNN của TP. Đà Nẵng đến 2010..... 52

3.2.1. Mục tiêu, định hướng chung về thu hút ĐTNN của thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 52

3.2.2. Định hướng thu hút ĐTNN trong một số lĩnh vực cụ thể 54

3.2.3. Định hướng về khu vực, đối tác cần thu hút ĐTNN 55

3.3. Một số các giải pháp cơ bản nhằm tăng cường hiệu quả thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng đến năm 2010 57

3.3.1. Giải pháp vĩ mô (đối với Trung ương) 57

3.3.1.1. Chính sách hỗ trợ đối với miền Trung - Tây Nguyên 57

3.3.1.2. Hỗ trợ đầu tư về cơ sở hạ tầng đối với miền Trung - Tây Nguyên 60

3.3.2. Giải pháp vi mô (đối với địa phương) 62

3.3.2.1.	Xây dựng nhận thức đúng đắn về vai trò của đầu tư nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng	62
3.3.2.2.	Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư của thành phố Đà Nẵng đến năm 2010	62
3.3.2.3.	Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư và nâng cao kỹ năng xúc tiến đầu tư	69
3.3.2.4.	Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư tại Đà Nẵng	79
3.3.2.5.	Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và tăng cường các dịch vụ hỗ trợ đầu tư	82
3.3.2.6.	Đổi mới công tác quản lý ĐTNN	87
Kết luận và kiến nghị.....		88
Phụ lục:		
Phụ lục 1:		
	Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng theo quốc gia/vùng lãnh thổ ..	91
Phụ lục 2:		
	Đầu tư nước ngoài tại một số địa phương 1988- 2002	91
Phụ lục 3:		
	Điều tra, khảo sát các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại Đà Nẵng.....	92
Phụ lục 4:		
	Tóm tắt Điều tra đầu tư trực tiếp nước ngoài của MIGA	106
Phụ lục 5:		
	Phân tích SWOT về môi trường đầu tư của Đà Nẵng.....	108
Phụ lục 6:		
	Thứ tự ưu tiên các ngành để xúc tiến ĐTNN tại Việt Nam.....	113
Phụ lục 7:		
	Cải cách một số thủ tục liên quan đến ĐTNN tại Đà Nẵng	114
Phụ lục 8:		
	Một số kinh nghiệm khi sử dụng các công cụ xúc tiến đầu tư.....	116
Phụ lục 9:		
	Hình chóp tạo ra đầu tư	118
Tài liệu tham khảo		119

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ĐTNN	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
BOI	Cơ quan Đầu tư của Thái Lan
CTLD	Công ty liên doanh
GPĐT	Giấy phép đầu tư
IPC	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Đà Nẵng
JETRO	Tổ chức Xúc tiến Ngoại thương Nhật Bản
JICA	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
KCN	Khu công nghiệp
KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KNXK	Kim ngạch xuất khẩu
KOTRA	Cơ quan Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Hàn Quốc
MIGA	Cơ quan đảm bảo đầu tư đa biên
TBCN	Tư bản chủ nghĩa
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
UNCTAD	Hội nghị Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển
UNESCAP	Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á - Thái Bình Dương
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XTĐT	Xúc tiến đầu tư

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kể từ năm 1997, sau khi được tách ra từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Đà Nẵng đã trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, được xác định là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Tây Nguyên và vừa được Chính phủ chính thức công nhận là thành phố loại I. Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (sau đây gọi tắt là “Nghị quyết 33 của Bộ Chính trị”) đã đánh giá “Đà Nẵng nằm ở vị trí trung độ của cả nước, có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra Biển Đông của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông”. Do đó, nếu có một chính sách phát triển đúng đắn, bước đi thích hợp Đà Nẵng sẽ phát huy được thế mạnh sẵn có, tạo được động lực, làm đòn bẩy thúc đẩy kinh tế phát triển cho cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên, “trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ”¹.

Để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra, thành phố Đà Nẵng cần phải có một nguồn vốn đầu tư rất lớn. Trong khi khả năng tích lũy vốn nội bộ còn hạn chế, việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại Đà Nẵng là một vấn đề quan trọng mang tính chiến lược. Qua hơn 15 năm kể từ khi ban hành Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam (năm 1987), hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần tích cực vào việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội của thành phố. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) đã trở thành một trong những nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển, có tác dụng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở ra nhiều ngành nghề, sản phẩm mới, nâng cao năng lực quản lý và trình độ công nghệ, mở rộng thị trường và tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo thêm nhiều việc làm mới, góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của thành phố.

Tuy nhiên, so với các địa phương ở phía Bắc và phía Nam, kết quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư ở các tỉnh miền Trung nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng còn quá khiêm tốn. Theo Báo cáo tình hình ĐTNN tại Việt Nam năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn ĐTNN tại khu vực miền Trung² chỉ chiếm khoảng 6% tổng vốn đầu tư của cả nước, riêng Đà Nẵng chỉ chiếm hơn 1%. Do đó, việc tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm tăng cường thu hút và

¹ Bộ Chính trị, *Nghị quyết 33-NQ/TW ngày 16/10/2003 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

² “Miền Trung” hay “miền Trung - Tây Nguyên” trong đề tài này được hiểu bao gồm 11 tỉnh, thành phố từ Quảng Trị đến Khánh Hòa (đuyên hải miền Trung) và Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk (Tây Nguyên).

quản lý hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng đã trở thành một vấn đề bức xúc, nhất là khi sự cạnh tranh về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nước, trong khu vực và trên thế giới ngày càng trở nên gay gắt trong khi nhu cầu về vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn vốn từ bên ngoài.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nhóm tác giả đã chọn đề tài: "**Một số giải pháp cơ bản nhằm thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**" nhằm nghiên cứu, đề xuất những giải pháp hữu hiệu tăng cường thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2010.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Do ĐTNN có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, nên từ trước đến nay đã có rất nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu về ĐTNN. Nội dung của các công trình này rất đa dạng, tập trung vào xu hướng vận động của luồng tư bản đầu tư, chuyển giao công nghệ, các chính sách, biện pháp thu hút đầu tư, những thành công và thất bại trong ĐTNN, vai trò của chính phủ, của các công ty xuyên quốc gia, các thành phần kinh tế trong thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế...

Đã có nhiều tài liệu, công trình của nước ngoài, các tổ chức quốc tế được tổng kết và dịch ra tiếng Việt (như "Tài liệu chuẩn bị cho Hội nghị về đầu tư trực tiếp nước ngoài: Cơ hội và thách thức cho Campuchia, Lào và Việt Nam của Quỹ Tiền tệ Thế giới và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam..."); nhiều đề tài nghiên cứu trong nước kể cả những đề tài nói về ĐTNN tại Đà Nẵng được công bố giúp cho chúng ta có cái nhìn chung, tương đối khái quát về ĐTNN, như "Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở thành phố Đà Nẵng" (Luận văn thạc sĩ khoa học kinh tế- Nguyễn Hữu Chiến, 1999) "Giải pháp tài chính nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam" (Luận án thạc sĩ KHKT- Lê Công Toàn, 1997) "Một số biện pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào phát triển sản xuất kinh doanh công nghiệp khu vực duyên hải miền trung" (Luận văn thạc sĩ khoa học kỹ thuật, Ngô Xuân Thủy, 1997)... Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu có hệ thống về lĩnh vực thu hút và quản lý ĐTNN tại thành phố Đà Nẵng, nhất là trong giai đoạn Việt Nam tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại với các nước trong khu vực và trên thế giới (AFTA, Hiệp định Việt - Mỹ, đàm phán gia nhập WTO...). Trong quá trình nghiên cứu đề tài này, nhóm tác giả sẽ chọn lọc, kế thừa những tinh hoa của các công trình trên.

3. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Thu hút và quản lý ĐTNN là một đề tài hết sức rộng lớn, mang tính thời sự nóng hổi hiện nay, không những đối với Việt Nam mà còn đối với nhiều quốc

gia khác. Đây là một quá trình gồm nhiều giai đoạn, liên quan đến nhiều bộ, nhiều ngành, nhiều cấp và nhiều lĩnh vực khác nhau với những hình thức hết sức đa dạng và phong phú. Với đề tài này, nhóm tác giả mong muốn qua việc phân tích thực trạng thu hút và quản lý ĐTNN của thành phố Đà Nẵng trong những năm qua, có thể chỉ rõ những thành công, những hạn chế cũng như những nguyên nhân, những bài học kinh nghiệm, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thu hút và quản lý ĐTNN tại Đà Nẵng trong thời gian đến, trong đó **chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thu hút ĐTNN** (chỉ đề cập một số vấn đề về quan niệm quản lý ĐTNN).

Không gian nghiên cứu là thành phố Đà Nẵng trong mối quan hệ với khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, cả nước và thế giới. Thời gian nghiên cứu được giới hạn trong khoảng 15 năm, kể từ cuối năm 1988 (là năm thành phố Đà Nẵng có dự án ĐTNN đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư) cho đến nay, chủ yếu là giai đoạn 1997 - 2002 và hướng phát triển đến năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp điều tra mẫu, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, phương pháp chuyên gia. Trong đó chúng tôi thực hiện một số hoạt động chính như:

- Tiến hành khảo sát tình hình thực tiễn của công tác thu hút và quản lý ĐTNN tại Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- Tiến hành điều tra, khảo sát một số doanh nghiệp có vốn ĐTNN và doanh nghiệp trong nước hiện đang hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bằng phiếu điều tra.
- Làm việc với các tổ chức quốc tế hỗ trợ, xúc tiến đầu tư như JICA, JETRO của Nhật Bản, GTZ của Đức, BOI của Thái Lan, Cơ quan Hợp tác đa biên - MIGA, UNESCAP... để học hỏi kinh nghiệm xúc tiến đầu tư của các nước và tìm kiếm sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho các hoạt động xúc tiến đầu tư.
- Dùng kỹ thuật phân tích SWOT để đánh giá các cơ hội và thách thức, điểm mạnh và điểm yếu của thành phố Đà Nẵng so với các địa phương trong cả nước, so với các nước trong khu vực và trên thế giới, từ đó hoạch định chiến lược xúc tiến đầu tư có hiệu quả tại Đà Nẵng.

5. Mục đích, tác dụng của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của đề tài này là trên cơ sở phân tích tổng thể và thực trạng tình hình ĐTNN ở Đà Nẵng, xác định đúng vị trí, vai trò, những kết quả đã đạt được cũng như những nguyên nhân khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến việc thu hút và quản lý nguồn vốn ĐTNN vào thành phố Đà Nẵng. Từ đó,

nhóm tác giả mạnh dạn kiến nghị một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thu hút và quản lý ĐTNN vào Đà Nẵng, phục vụ sự phát triển kinh tế-xã hội thành phố Đà Nẵng trong mối quan hệ với khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Đề tài này sẽ có những tác dụng sau:

- Đề tài đưa ra bức tranh tổng quát về tình hình thu hút và quản lý ĐTNN tại thành phố Đà Nẵng trong những năm qua, đúc rút những kinh nghiệm thực tiễn, đưa ra những nhận định về xu thế phát triển, định hướng thu hút ĐTNN, xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư của thành phố Đà Nẵng đến năm 2010 đồng thời tìm ra những giải pháp đồng bộ, hữu hiệu, thiết thực góp phần cải thiện môi trường đầu tư chung, nhất là trong giai đoạn giảm sút nguồn vốn ĐTNN hiện nay. Một khi các giải pháp đề xuất trong đề tài được áp dụng vào thực tiễn sẽ góp phần tăng cường khả năng thu hút ĐTNN, thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, tạo nhiều công ăn việc làm cho xã hội, nâng cao mức sống của người dân.
- Xúc tiến ĐTNN vẫn còn là lĩnh vực tương đối mới ở Việt Nam. Đề tài tổng hợp các kinh nghiệm về xúc tiến đầu tư trên thế giới, trong khu vực và các địa phương trong nước, góp phần nâng cao trình độ, kỹ năng xúc tiến đầu tư của đội ngũ cán bộ làm việc trong những lĩnh vực liên quan.
- Việc nghiên cứu đề tài tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tham gia đề tài có nhiều cơ hội tiếp xúc, học hỏi kinh nghiệm với các địa phương trong cả nước và một số tổ chức quốc tế có liên quan, thiết lập mối quan hệ hợp tác hỗ trợ lâu dài giữa các đơn vị này đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghiên cứu khoa học, phục vụ tốt hơn cho công tác xúc tiến đầu tư của thành phố Đà Nẵng.

6. Cơ cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài được cấu trúc thành 3 chương:

- Chương 1:** Vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng trong bối cảnh hiện nay và đến 2010
- Chương 2:** Thực trạng thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng
- Chương 3:** Các giải pháp cơ bản nhằm thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại thành phố Đà Nẵng đến năm 2010

CHƯƠNG 1

VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY VÀ ĐẾN NĂM 2010

1.1. Khái niệm, bản chất và các hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài

Dưới góc độ kinh tế, "đầu tư" được hiểu là việc bỏ vốn vào sản xuất kinh doanh nhằm hưởng phần lợi nhuận hoặc giải quyết những vấn đề thuộc kinh tế-xã hội. Hoạt động đầu tư có thể diễn ra trong phạm vi một quốc gia hoặc có thể được tiến hành trong phạm vi quốc tế.

Đầu tư quốc tế là quá trình kinh tế, trong đó, các nhà ĐTNN (tổ chức, cá nhân) đưa vốn hoặc tài sản, công nghệ vào nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm thu lợi nhuận hoặc đạt được các hiệu quả về mặt xã hội. Nói cách khác, đầu tư quốc tế là sự di chuyển vốn (dưới hình thức các phương tiện đầu tư như tiền mặt, hàng hóa hữu hình, hàng hóa vô hình) từ nước này sang nước khác chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận và các lợi ích kinh tế-xã hội khác.

Về bản chất, đầu tư quốc tế là hình thức xuất khẩu tư bản, một hình thức cao hơn của xuất khẩu hàng hóa. Hai hình thức xuất khẩu này thường xuyên bổ sung và hỗ trợ cho nhau trong chiến lược thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường của các công ty nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, việc buôn bán hàng hóa ở nước sở tại là bước đi tìm hiểu thị trường và môi trường đầu tư để đi đến quyết định đầu tư. Sau đó, việc thành lập các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tại nước sở tại chính là điều kiện để xuất khẩu máy móc, thiết bị và khai thác tài nguyên, nhân lực của nước chủ nhà. Cùng với thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế ngày càng phát triển, tạo thành những dòng chính trong quá trình liên kết và hợp tác kinh tế toàn cầu hiện nay.

* Căn cứ vào tính chất sử dụng của tư bản, đầu tư quốc tế thường được chia thành 3 hình thức chủ yếu là đầu tư gián tiếp, tín dụng quốc tế và đầu tư trực tiếp³.

- **Đầu tư gián tiếp** là hình thức đầu tư quốc tế, trong đó chủ ĐTNN chỉ góp một số vốn nào đó dưới hình thức mua cổ phiếu, trái phiếu mà không tham gia trực tiếp vào quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

- **Tín dụng quốc tế** là hình thức đầu tư dưới dạng cho vay vốn và kiếm lợi nhuận thông qua lãi suất tiền vay. Tín dụng quốc tế có hai hình thức chủ yếu là: Hỗ trợ

³ - Đại học Ngoại thương Hà Nội, *Giáo trình Đầu tư nước ngoài*, NXB Chính trị, 2000

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Những vấn đề cơ bản về quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*, 12/2000

phát triển chính thức (ODA) và nguồn vay tư nhân. Hình thức này được sử dụng khá phổ biến vì có những ưu điểm như: vốn vay chủ yếu dưới dạng tiền tệ; nước tiếp nhận đầu tư có toàn quyền chủ động sử dụng vốn đầu tư cho mục đích của mình; nhà ĐTNN có thu nhập ổn định thông qua lãi suất tiền cho vay và không bị phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đã vay vốn. Tuy nhiên, tín dụng quốc tế có nhược điểm là nước tiếp nhận vốn đầu tư dễ bị nhà ĐTNN trói buộc vào ảnh hưởng của mình, hiệu quả sử dụng vốn thường thấp do bên nước ngoài không trực tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ cho vay tín dụng.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một hình thức đầu tư quốc tế, trong đó nhà ĐTNN đóng góp một số vốn nhất định (theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư) vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ, cho phép họ trực tiếp tham gia điều hành đối tượng mà họ tự bỏ vốn đầu tư.

Khoản 1, Điều 2 của Luật ĐTNN tại Việt Nam (1996) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐTNN tại Việt Nam (2000) định nghĩa: "*Đầu tư trực tiếp nước ngoài*" là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này".

Nhìn chung, đầu tư trực tiếp nước ngoài có những đặc trưng và thế mạnh riêng của nó.

Thứ nhất, ĐTNN mặc dù vẫn chịu sự chi phối của Chính phủ, nhưng ít bị lệ thuộc vào mối quan hệ chính trị giữa hai quốc gia so với hình thức tín dụng quốc tế.

Thứ hai, bên nước ngoài trực tiếp tham gia điều hành quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trực tiếp kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp và đưa ra những quyết định có lợi nhất cho việc đầu tư. Vì vậy, mức độ khả thi và hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong các doanh nghiệp tương đối cao, đặc biệt trong việc tiếp cận thị trường quốc tế để mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thứ ba, tránh được hàng rào bảo hộ mậu dịch vì thông qua đầu tư trực tiếp, nhà ĐTNN tạo được các doanh nghiệp nằm "bên trong" các nước thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch.

Thứ tư, ĐTNN giúp nước tiếp nhận đầu tư tiếp thu được công nghệ tiên tiến và kinh nghiệm quản lý kinh doanh của các chủ ĐTNN, đồng thời nâng cao dần trình độ quản lý và tay nghề cho người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn ĐTNN. Bên cạnh đó, nhờ có vốn ĐTNN cho phép nước chủ nhà